kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 09/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L10.CK1.026

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cùng một nhiệt kế lần lượt hiển thị $M_A = 35\ ^\circ\text{C}$, $M_B = 16\ ^\circ\text{C}$. Mô hình mỗi lần là $M_i = T_i + b + \varepsilon_i$: b giống hệt ở hai lần, chưa biết trong $[-2; 2]\ ^\circ\text{C}$ | ε_A| $\leq 0,2\ ^\circ\text{C}$, | ε_B| $\leq 0,1\ ^\circ\text{C}$. Hai sai số riêng độc lập về giới hạn, không giả định phân bố xác suất. Khoảng chặt nhất của hiệu nhiệt độ thật là gì?

A. $[14,7; 23,3]\ ^\circ\text{C}$. **B.** $[19; 19]\ ^\circ\text{C}$. **C.** $[18,7; 19,3]\ ^\circ\text{C}$. **D.** $[18,8; 19,2]\ ^\circ\text{C}$.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là đối tượng nghiên cứu của Vật lí?

A. phản ứng tạo chất mới từ các chất ban đầu
B. nguồn gốc và diễn biến của các sự kiện lịch sử
C. các dạng vận động của vật chất và năng lượng
D. quy luật lên xuống của giá cả thị trường

Câu 3. Phát biểu nào sau đây đúng về chữ số có nghĩa?

A. Viết thêm số không vào cuối phần thập phân không làm đổi số chữ số có nghĩa.
B. Số chữ số có nghĩa bằng số chữ số ở phần thập phân.
C. Mọi chữ số không xuất hiện trong một số đều không có nghĩa.
D. Các số không đứng trước chữ số khác không đầu tiên thì không phải chữ số có nghĩa.

Câu 4. Trường hợp nào sau đây vật được coi là chất điểm?

A. Xét chuyển động của một ô tô chạy từ Hà Nội vào Huế.
B. Xét dao động của một con lắc lò xo có vật nặng dài bằng nửa biên độ.
C. Xét chuyển động của cánh quạt đang quay.
D. Xét chuyển động quay của Trái Đất quanh trục của nó.

Câu 5. Khi mô hình hoá bài toán dừng xe, quãng đường dừng gồm những phần nào?

A. Chỉ quãng đường xe chạy trong thời gian người lái phản ứng, trước khi đạp phanh.
B. Quãng đường xe chạy trong thời gian người lái phản ứng, nhân với quãng đường xe đi khi đang hãm.
C. Quãng đường xe chạy trong thời gian người lái phản ứng, cộng quãng đường xe đi khi đang hãm.
D. Chỉ quãng đường xe đi khi đang hãm, tính từ lúc người lái bắt đầu đạp phanh.

Câu 6. Vì sao khi giũ mạnh chiếc áo ướt thì nước văng ra khỏi áo?

A. Vì giọt nước có quán tính nên còn giữ vận tốc cũ khi áo đã dừng.
B. Vì có một lực quán tính đẩy vật theo hướng ấy.
C. Vì thân người có quán tính nên còn giữ trạng thái đứng yên trong khi xe đã tiến lên.
D. Vì trọng lực đổi hướng trong lúc đó.

Câu 7. Trong phòng thí nghiệm thấy nhiệt kế thuỷ ngân bị vỡ, thuỷ ngân đọng trên bàn. Nguy cơ trực tiếp ở đây là gì?

A. Cốc vỡ, nước sôi bắn ra.
B. Hít phải hơi thuỷ ngân độc.
C. Điện giật khi chạm vào.
D. Cồn bắt lửa, cháy lan.

Câu 8. Đồ thị vận tốc – thời gian của một vật gồm hai đoạn: từ $(0\ \text{s};\ 1\ \text{m/s})$ tới $(2\ \text{s};\ 25\ \text{m/s})$, rồi giữ nguyên vận tốc $25\ \text{m/s}$ thêm $9\ \text{s}$ nữa. Độ dịch chuyển của vật trong cả hai giai đoạn bằng

A. $275\ \text{m}$ **B.** $251\ \text{m}$ **C.** $26\ \text{m}$ **D.** $225\ \text{m}$

Câu 9. Một vật khối lượng $9\ \text{kg}$ được treo đứng yên bằng một sợi dây, lấy $g = 10\ \text{m/s}^2$. Lực căng dây bằng

A. $180\ \text{N}$ **B.** $9\ \text{N}$ **C.** $0\ \text{N}$ **D.** $90\ \text{N}$

Câu 10. Độ lớn lực ma sát trượt phụ thuộc vào yếu tố nào?

A. Áp lực lên mặt tiếp xúc và bản chất hai mặt tiếp xúc.
B. Áp lực lên mặt tiếp xúc và diện tích mặt tiếp xúc.
C. Tốc độ trượt của vật và bản chất hai mặt tiếp xúc.
D. Thể tích của vật và diện tích mặt tiếp xúc.